

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23/12/2020

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Ơn
2. Ông Lò Văn Thương
- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ.
- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23/12/2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 04/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lò Văn C - Sinh năm 1978 (Có mặt).
Trú tại: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
2. Bị đơn: Chị Lò Thị T - Sinh năm 1986 (Vắng mặt có lý do).
Trú tại: Bản T, xã N, huyện Đ - Tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 15/10/2020 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, anh Lò Văn C (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và chị Lò Thị T tổ chức đám cưới theo phong tục và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ vào ngày 14/6/2002. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Kết hôn và chung sống được một thời gian dài đến tháng 3/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành sau đó chúng tôi đã ly thân trước sự chứng kiến của hai bên gia đình. Từ tháng 3/2019 cô T đã về bên ngoại ở bản T, xã N, sinh sống không quay lại thăm nom gì tôi. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với cô T

2. Về con chung: Anh C và chị T có hai con chung Lò Văn C sinh ngày 18/9/2009 và Lò Thị Phương T, sinh ngày 27/9/2011. Quan điểm anh C xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu C để chị T nuôi cháu T cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu C bị bệnh xuất huyết não từ khi sinh được hai tháng dẫn đến khuyết tật vận động giờ vẫn cần có người chăm sóc.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Anh C không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/10/2020 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/12/2020 chị Lò Thị T (bị đơn) trình bày nh- sau:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh C lấy nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Điện Biên vào ngày 14/6/2002. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc là đúng. Chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau thường xảy ra cãi vã. Tôi đã bỏ về bên ngoài sống thời gian ngắn sau đó quay lại nhà chồng đến tháng 3/2019 lại xảy ra cãi vã nhau dẫn đến ly thân. Tôi về bên ngoài sinh sống cho đến nay không quay lại. Anh C cũng không quan tâm đến tôi nên tôi cảm thấy tình cảm không còn, cuộc hôn nhân không hạnh phúc anh C làm đơn ly hôn tôi đồng ý.

2. Về phần con chung: Tôi và anh C có hai con chung Lò Văn C sinh ngày 18/9/2009 và Lò Thị Phương T, sinh ngày 27/9/2011. Quan điểm của tôi xin được nuôi cháu T để anh C nuôi cháu C cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng nương: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện bản thân tôi đang phải đi làm thuê xa nhà không về tham gia phiên Tòa được xin Tòa xét xử vắng mặt tôi ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, được trực tiếp nuôi cháu Lò Văn C và không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai anh đã trình bày.

- Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 69, 81, 82 83, Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn;

- Về con chung giao cháu Lò Văn C cho anh C được quyền nuôi dưỡng; Giao cháu Lò Thị Phương T cho chị T được quyền nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản không có;

- Về án phí nguyên đơn được miễn toàn bộ án phí DSST.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tổ tụng. Bị đơn có địa chỉ tại Bản T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm sống đã được hai bên gia đình hòa giải không thành và hai anh chị đã ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay.

Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân do Tòa án thu thập ngày 28/10/2020 tại bản N xã N và biên bản xác minh ngày 17/11/2020 tại bản T, xã N cho thấy anh C và chị T về chung sống với nhau từ năm 2002 tại bản N, xã N Đến tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh tính tình không hợp nhau, sau khi hòa giải không thành chị T quay về bên ngoại ở bản T sinh sống từ tháng 3 năm 2019 không quay lại nhà chồng.

Vì tình cảm không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên anh C làm đơn xin ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 29/10/2020 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/12/2020 gửi cho Tòa án chị T đồng ý ly hôn về con chung hai anh chị đã thống nhất từ khi ly thân con trai ở với bố con gái về nhà ngoại theo mẹ và theo nguyện vọng của cháu T muốn sống cùng mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân chính do hai anh chị bất đồng quan điểm sống tính tình không hợp nhau thường xảy ra cãi vã dẫn đến ly thân, cả hai không có ý định quay lại hàn gắn tình cảm mà đồng ý ly hôn.

Để đảm bảo quyền lợi của cả hai anh chị và để giải phóng cho anh C thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho anh, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh C xử cho ly hôn giữa anh Lò Văn C và chị Lò Thị T.

[3] Về con chung: Anh C và chị T có hai con chung Lò Văn C sinh ngày 18/9/2009 và Lò Thị Phương T, sinh ngày 27/9/2011. Quan điểm chị T xin được nuôi cháu T, anh C xin nuôi dưỡng chăm sóc cháu C cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng này của anh chị là phù hợp với qui định của luật hôn nhân gia đình và có xem xét nguyện vọng cháu T.

Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của hai anh chị, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu C cho anh C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng. Giao cháu T cho chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng. Không bên nào phải cấp d-ỡng nuôi con chung. Hai bên có quyền đi lại thăm nom giáo dục con chung, không ai đ-ợc cản trở.

[4] Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chấp nhận việc hai anh chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về án phí: Anh C là dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại xã đặc biệt khó khăn là hộ nghèo thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 anh C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Lò Văn C được ly hôn với chị Lò Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Văn C sinh ngày 18/9/2009 cho anh Lò Văn C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu Lò Thị Phương T, sinh ngày 27/9/2011 cho chị Lò Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

- Không bên nào phải cấp d-ỡng nuôi con chung.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản của nguyên đơn và bị đơn.

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án, anh Lò Văn C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THA huyện ĐB;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

